

Số: 3083/QĐ-UBND

Bình Định, ngày 11 tháng 9 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt bổ sung danh mục nghề, chương trình khung
và định mức chi phí đào tạo nghề nông nghiệp dưới 03 tháng cho lao động
nông thôn trên địa tỉnh đến năm 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 30/2012/TTLT-BLĐTBXH-BNV-BNNPTNT-BTC-BTTTT ngày 12/12/2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội-Bộ Nội vụ-Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn-Bộ Tài chính-Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ;

Xét đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 224/TTr-SLĐTBXH ngày 07/9/2018, của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 1415/SNN-PTNT ngày 05/7/2018 và của Sở Tài chính tại Công văn số 1820/STC-TCHCSN ngày 26/7/2018,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt bổ sung danh mục nghề, chương trình khung và định mức chi phí đào tạo nghề nông nghiệp dưới 03 tháng cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh đến năm 2020, gồm 18 nghề nêu tại phụ lục chi tiết kèm theo.

Điều 2. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan tổ chức triển khai thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. 

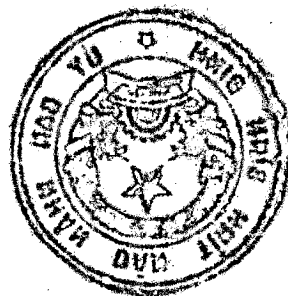
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVPVX;
- Lưu: VT, K10, K13, K20 

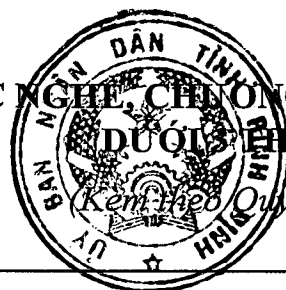
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Nguyễn Tuấn Thanh



**DANH MỤC NGHỀ, CHƯƠNG TRÌNH KHUNG VÀ MỨC CHI PHÍ ĐÀO TẠO NGHỀ NÔNG NGHIỆP
DƯỚI THANG CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN ĐẾN NĂM 2020**



(Kèm theo Quyết định số 3083/QĐ-UBND ngày 11/9/2018 của UBND tỉnh)

TT	Nghề đào tạo	Thời gian đào tạo (tháng)	Tổng số giờ học/ khóa học (giờ)	Trong đó			Mức chi phí đào tạo (đồng/học viên/ khóa đào tạo)
				Lý thuyết (giờ)	Thực hành (giờ)	Hoạt động đánh giá (giờ)	
1	Trồng dâu, nuôi tằm	2,0	320	54	256	10	1.240.000
2	Nhân giống cây ăn quả	2,0	320	54	256	10	1.280.000
3	Nhân giống lúa	2,0	320	54	256	10	1.220.000
4	Sản xuất nông lâm kết hợp	2,0	320	54	256	10	1.220.000
5	Sơ chế bảo quản rau, củ, quả sau thu hoạch	2,0	320	54	256	10	1.270.000
6	Trồng cây có múi	2,0	320	54	256	10	1.240.000
7	Trồng xoài, ổi, chôm chôm	2,0	320	54	256	10	1.250.000
8	Trồng và khai thác một số loại cây dưới tán rừng	2,0	320	54	256	10	1.200.000
9	Trồng keo, bạch đàn làm nguyên liệu giấy	2,0	320	54	256	10	1.250.000
10	Trồng cây lâm sản ngoài gỗ (song, mây)	2,0	320	54	256	10	1.200.000
11	Bảo tồn, trồng và làm giàu rừng tự nhiên	2,0	320	54	256	10	1.160.000
12	Nuôi cá lồng bè trên biển	2,0	320	54	256	10	1.340.000
13	Sử dụng thiết bị điện tử phổ biến trên tàu cá	1,0	160	26	128	6	2.050.000
14	Vận hành tàu vỏ thép, tàu vỏ vật liệu mới	1,0	160	26	128	6	2.000.000
15	Kỹ thuật khai thác, bảo quản sản phẩm theo công nghệ mới đối với tàu có tổng công suất máy chính từ 400CV trở lên	1,0	160	26	128	6	2.000.000
16	Nuôi lợn rừng, lợn nuôi thả	2,0	320	54	256	10	1.380.000
17	Nuôi chim cút, chim bồ câu thương phẩm	2,0	320	54	256	10	1.310.000
18	Chế biến sản phẩm từ thịt gia súc	2,0	320	54	256	10	1.140.000

Ghi chú: Mức chi phí đào tạo nêu trên chưa bao gồm: Hỗ trợ tiền đi lại, tiền ăn cho học viên theo quy định.

